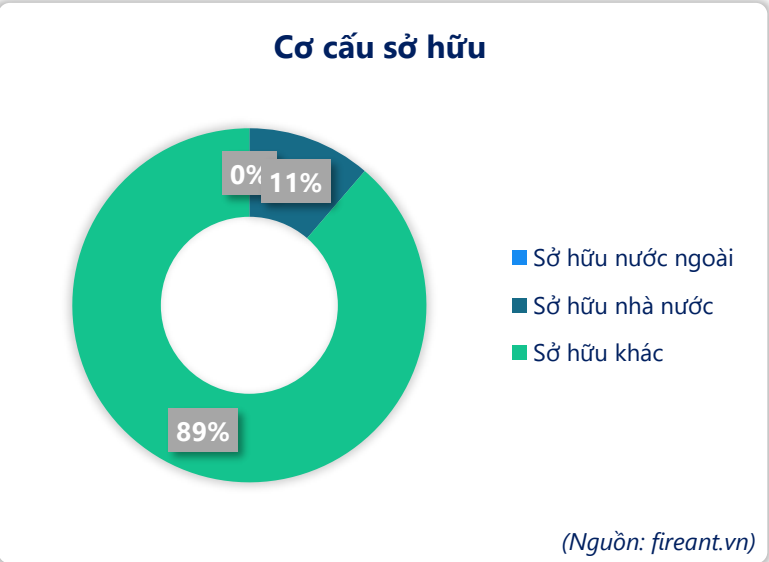
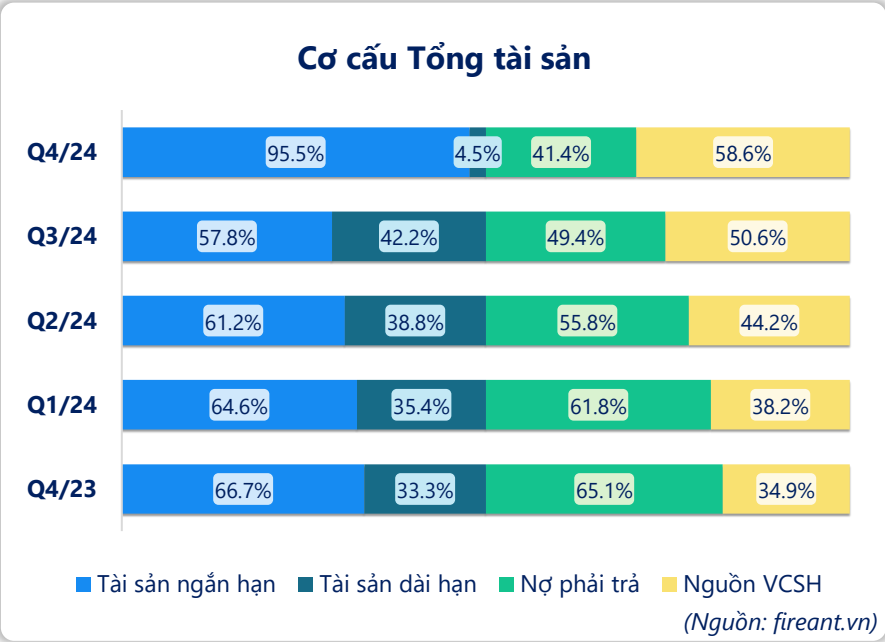
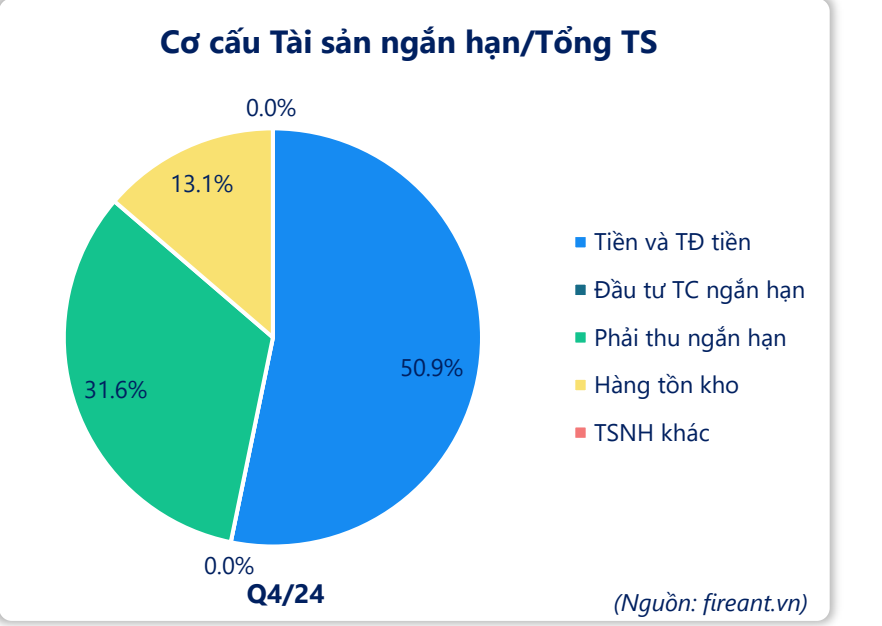
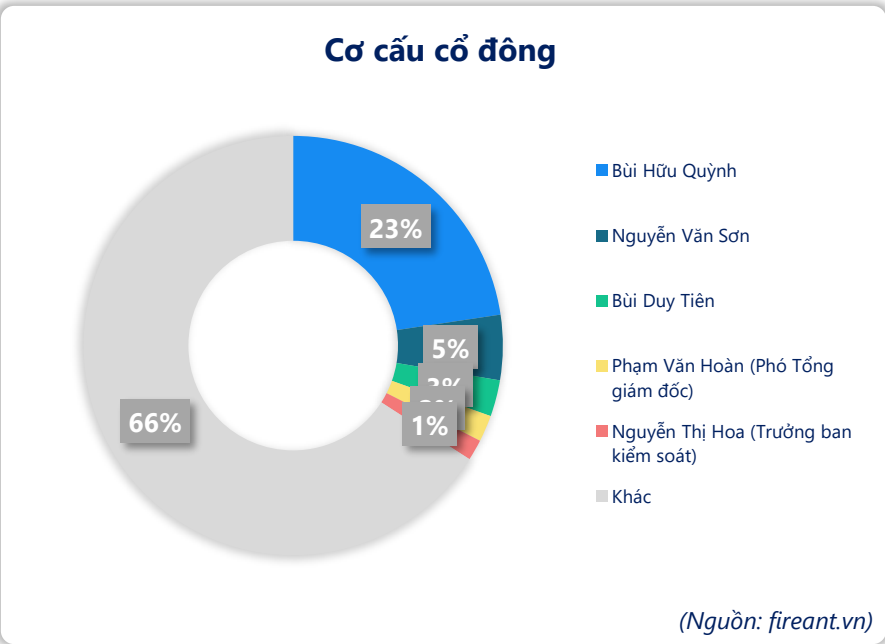
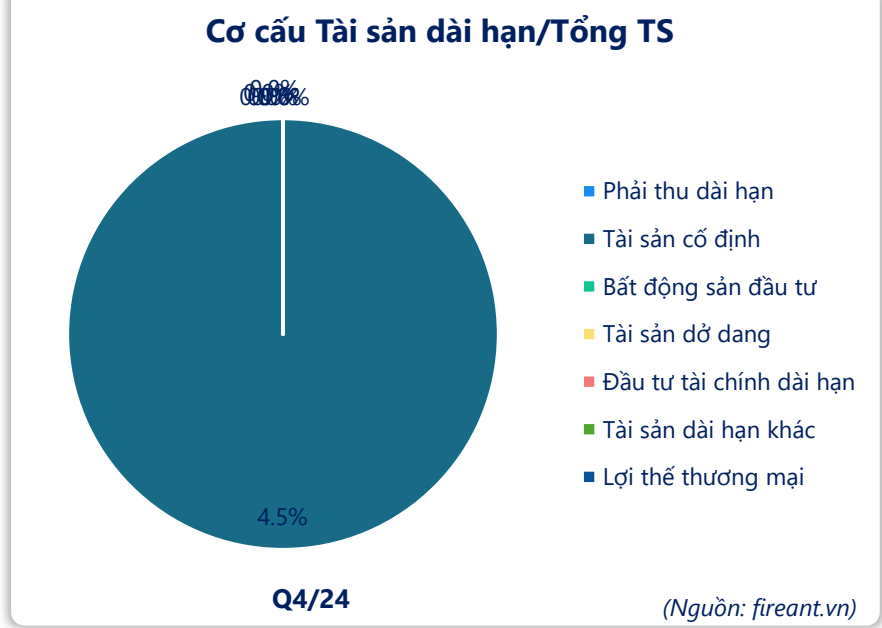
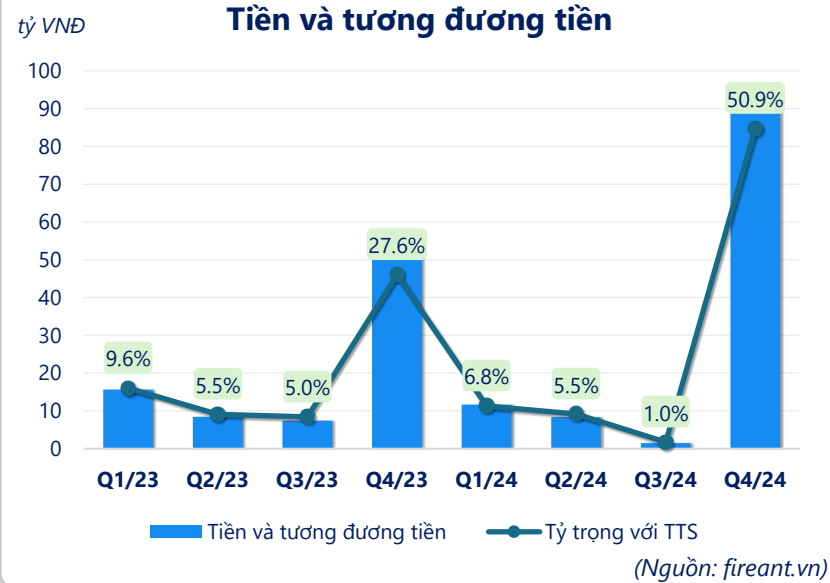
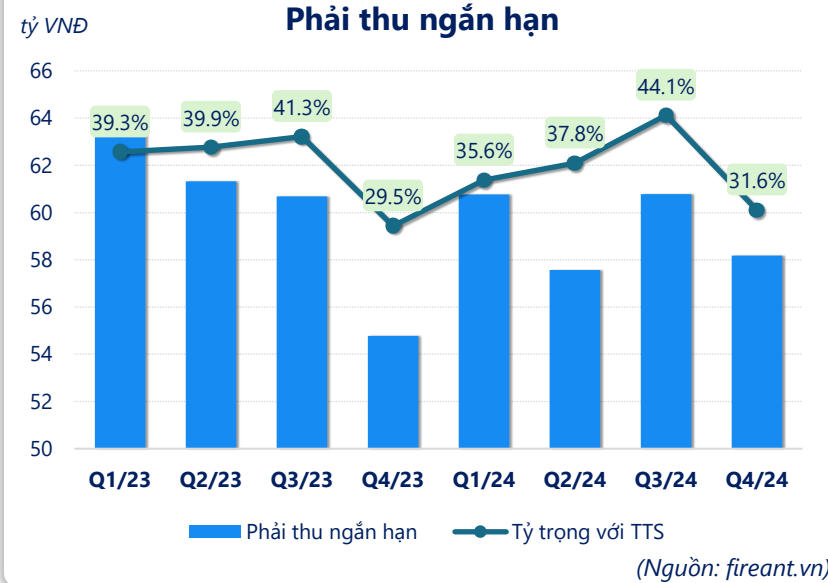
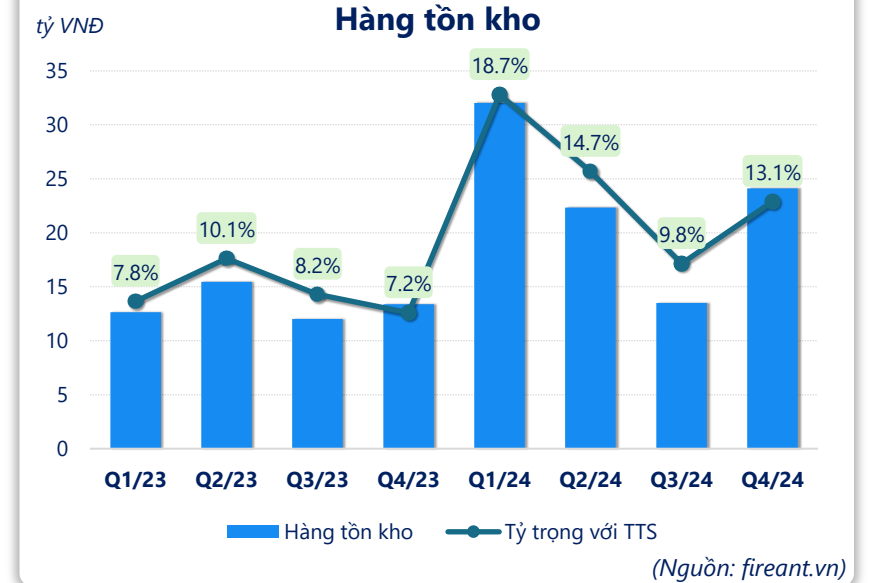
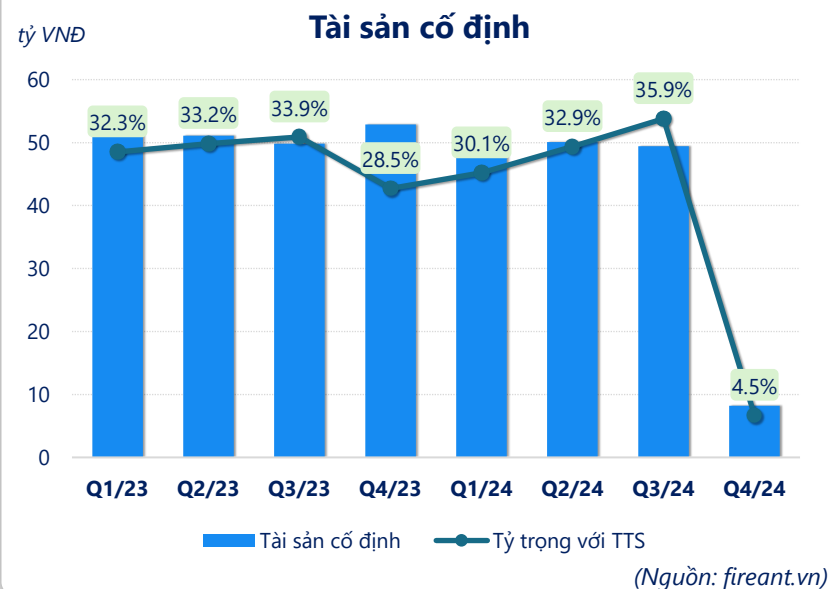
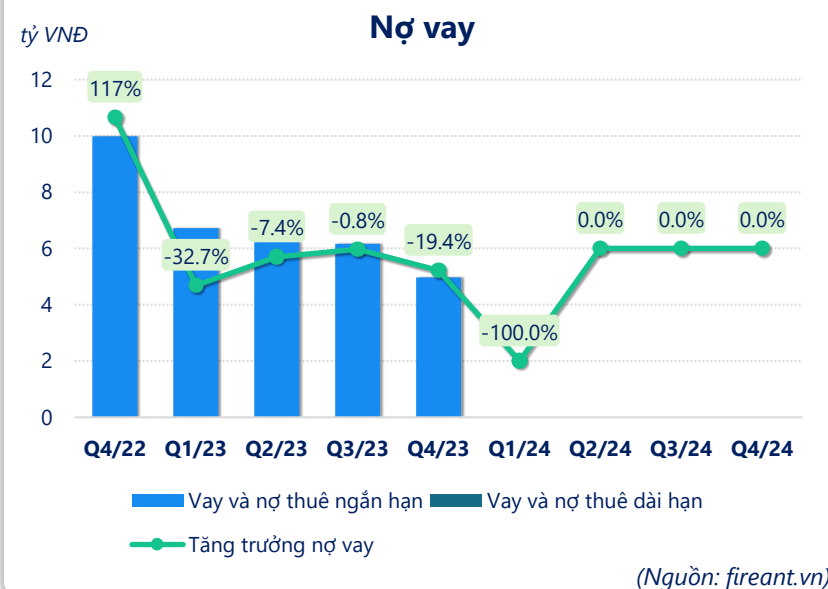
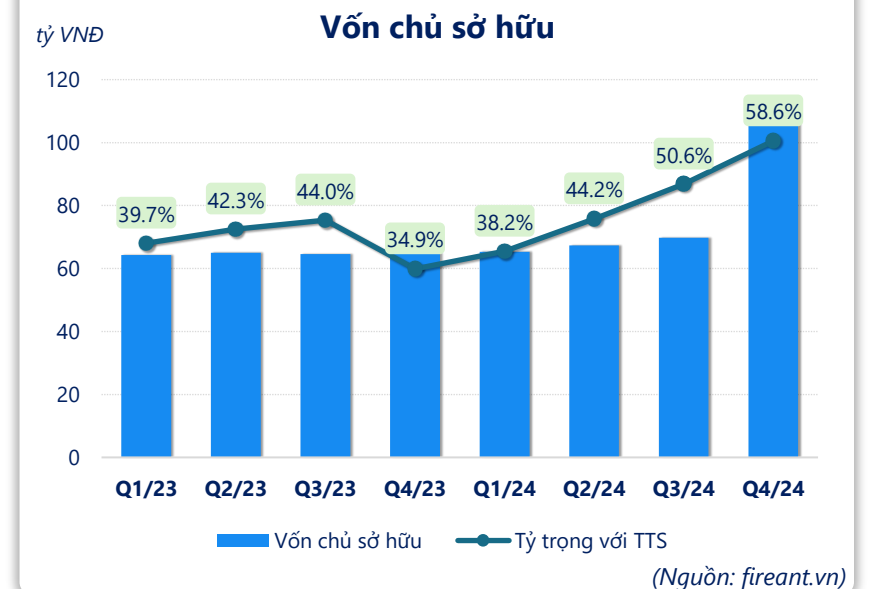
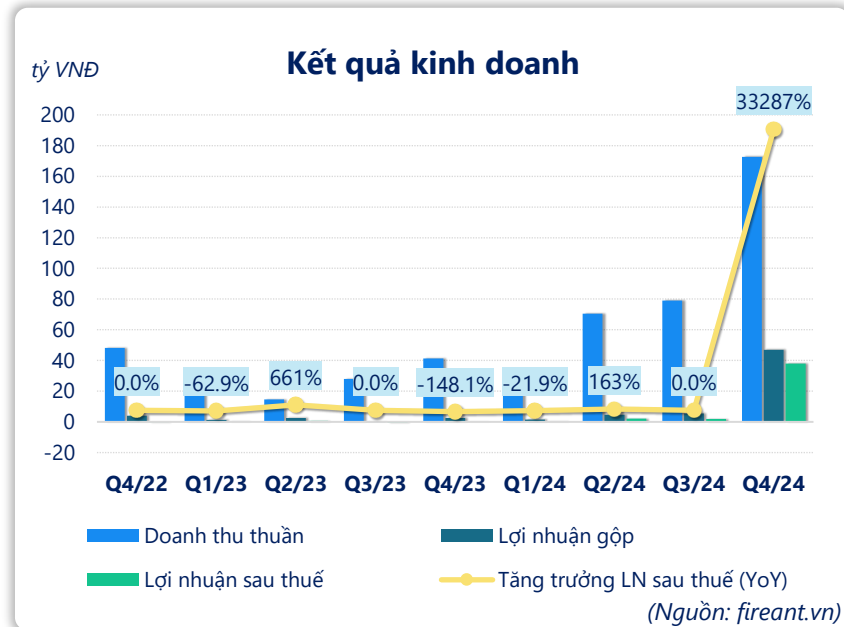
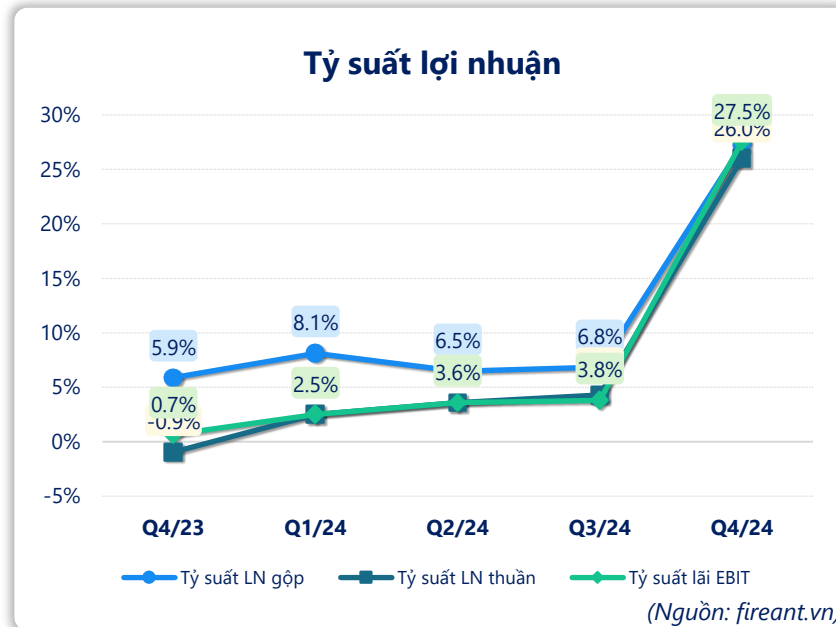
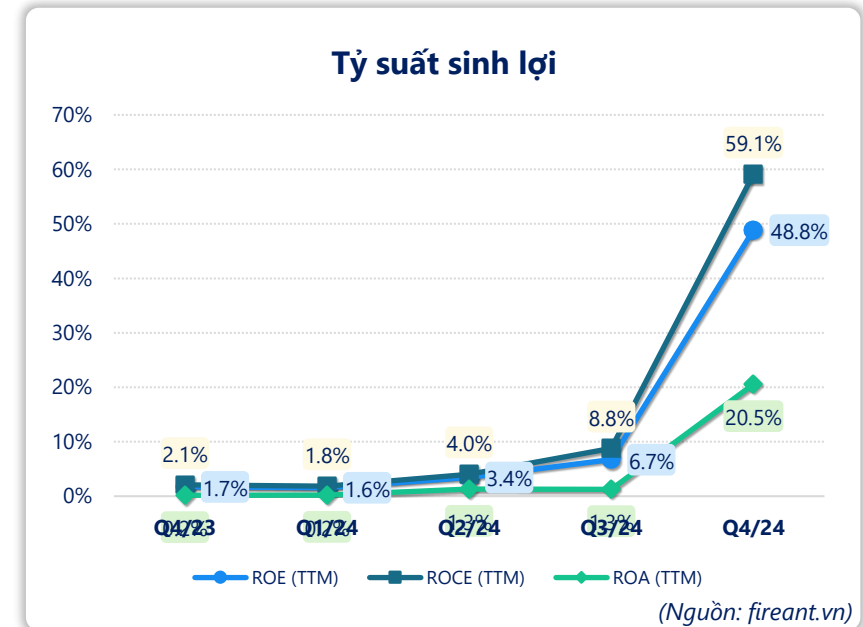
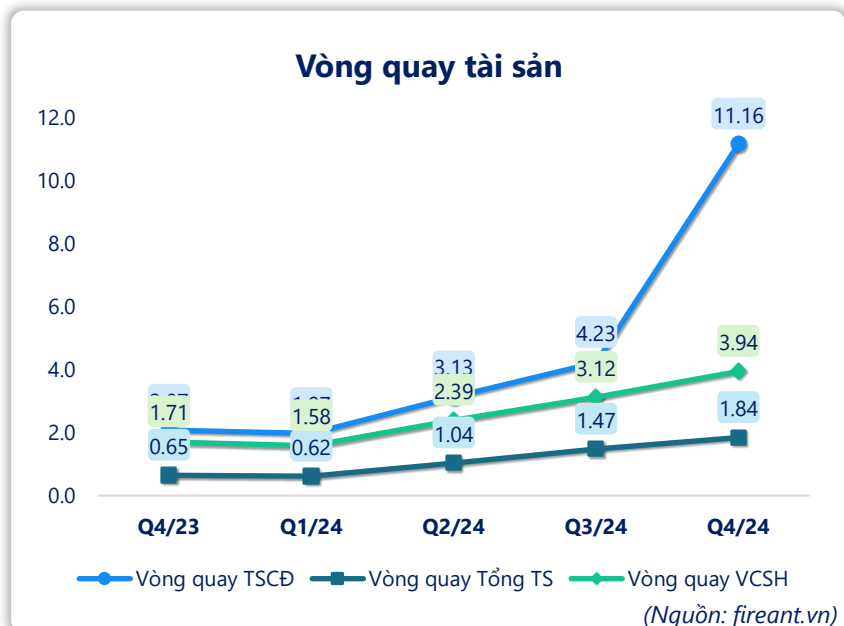
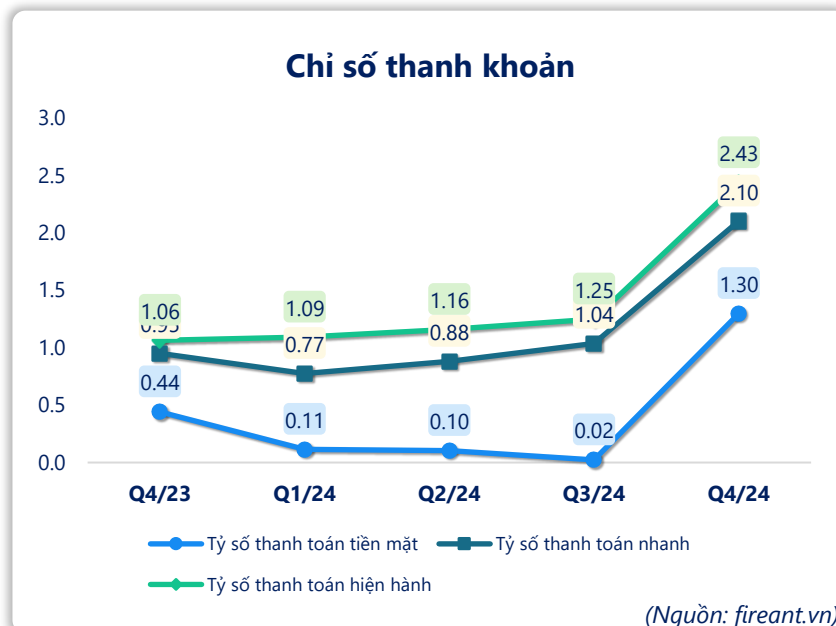
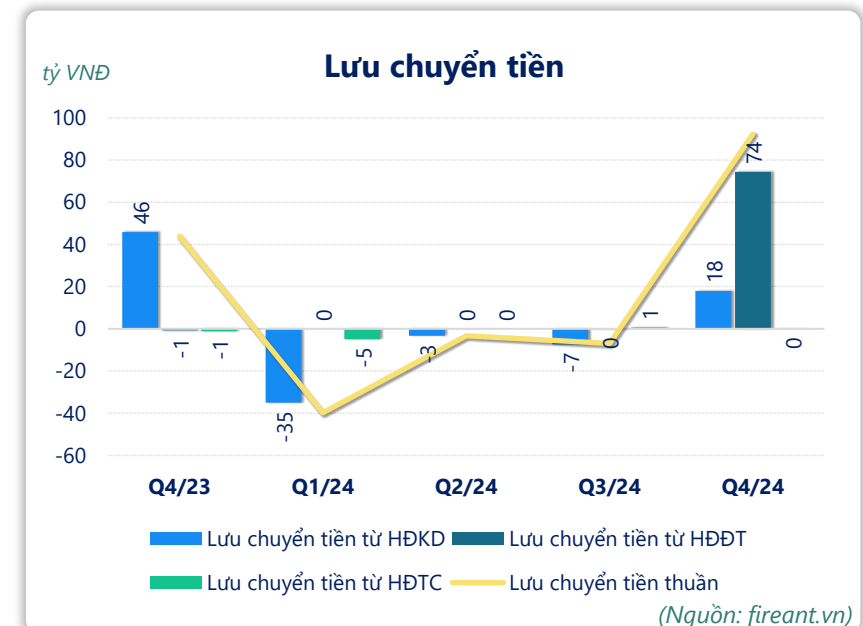


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,000
SL cổ phiếu LH		3,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,680
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		122
P/E		2.9
EPS		11,729

	YTD	1T	3T	6T
L40		-10.8%	14.5%	47.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	184	186	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	176	124	42.1%
Tiền và tương đương tiền	93.7	51.3	82.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	58.2	54.8	6.2%
Hàng tồn kho	24.1	13.4	80.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	4.39	-100%
Tài sản dài hạn	8.21	61.9	-86.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.21	52.9	-84.5%
Bất động sản đầu tư	0	1.73	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	7.32	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.2	121	-37.0%
Nợ ngắn hạn	72.3	116	-38.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	4.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.4	23.6	50.2%
Nợ dài hạn	3.89	4.40	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	64.9	66.4%
Vốn chủ sở hữu	108	64.9	66.4%
Vốn điều lệ	36.0	36.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	41.3	18.7	70.6	79.1	173
Giá vốn hàng bán	38.9	17.2	66.0	73.7	126
Lợi nhuận gộp	2.43	1.52	4.57	5.41	46.9
Doanh thu HĐTC	0.10	0.20	0.05	0.13	0.12
Chi phí TC	0.01	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.01	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.92	1.25	2.08	2.14	2.19
LN thuần từ HĐKD	-0.39	0.47	2.54	3.40	44.9
Lợi nhuận khác	0.66	0.00	0.00	-0.40	2.65
LN trước thuế	0.26	0.47	2.54	3.00	47.5
Lợi nhuận sau thuế	0.29	0.37	2.03	1.82	38.0
LNST của CĐ cty mẹ	0.29	0.37	2.03	1.82	38.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.8	-35.0	-3.27	-7.43	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	0.20	0.05	-0.12	74.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.20	-4.97	0	0.62	-0.10
Tiền đầu kỳ	7.39	51.3	11.6	8.38	1.44
Lưu chuyển tiền thuần	43.9	-39.7	-3.22	-6.93	92.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	51.3	11.6	8.38	1.44	93.7

(Nguồn: fireant.vn)